TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 6 năm 2025
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phan Thị Nhã Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Thanh Tâm**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Thị Bích Ngọc** - Thư ký viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Diệu H**, sinh năm 1998
Địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã A, huyện C, Đồng Tháp.
- Bị đơn: Anh **Phan Văn Bé T**, sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Bé T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn chị Hồ Thị Diệu H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Diệu H và anh Phan Văn Bé T qua thời gian tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới trong năm 2015. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận kết hôn số: 57/2019, cấp ngày 03 tháng 9 năm 2019.

Sau khi kết hôn và chung sống với nhau, vợ chồng có được hạnh phúc thời gian đầu và sinh được 01 con chung. Sau này, anh Bé T bị bệnh, chị H cũng đã hết sức chăm sóc, lo lắng cho chồng. Bệnh của anh T kéo dài nhiều năm chị H vẫn cố gắng vừa lo kinh tế, vừa chăm sóc cho chồng, nhưng chồng và gia đình chồng không công nhận công sức của chị H. Vợ chồng sống với nhau chỉ có trên danh nghĩa, tình cảm cũng đã không còn, đời sống hôn nhân không có được hạnh phúc. Hiện tại, chị H nhận thấy hôn nhân đã không có hạnh phúc, không thể tiếp

tục chung sống với nhau được nữa. Nay chị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Phan Văn Bé T.

- Về con chung: Chị H và Bé T có 01 con chung là cháu Phan Thị Yến N, sinh ngày 13/10/2015 hiện nay đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cháu Yến N, không yêu cầu anh Bé T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Phan Văn Bé T:

Anh Phan Văn Bé T đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: CCCD chị Hồ Thị Diệu H (photo); Giấy chứng nhận kết hôn Hồ Thị Diệu H và anh Phan Văn Bé T (bản chính); Giấy khai sinh Phan Thị Yến N (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Diệu H về việc yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn Bé T và yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con".*

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã M, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt đương sự tại phiên tòa: Anh Phan Văn Bé T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Đồng thời, chị Hồ Thị Diệu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với Hồ Thị Diệu H và anh Phan Văn Bé T.

Về nội dung

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Diệu H và anh Phan Văn Bé T qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U vào năm 2019 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau

thời gian chung sống thì nay chị H yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía anh Bé T là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do cũng như không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ nhận định anh Bé T không có thiện chí hàn gắn tình cảm, đời sống hôn nhân như chị H trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về con chung: Phan Thị Yến N, sinh ngày 13/10/2015 hiện nay đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Phan Thị Yến N, chị H không yêu cầu anh Bé T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay con chung đang sống với chị H đang phát triển và được chăm sóc tốt, đồng thời cháu N có nguyện vọng được sống chung với chị H. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu Phan Thị Yến N nên việc chị H yêu cầu được nuôi cháu Yến N là phù hợp nên chấp nhận. Anh Bé T cũng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với nội dung con chung và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Yến N. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không có yêu cầu anh Bé T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Anh Bé T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, riêng anh B T không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0002174 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Diệu H.

- Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Diệu H được ly hôn với anh Phan Văn Bé T.

- Về con chung: Chị Hồ Thị Diệu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Phan Thị Yến N, sinh ngày 13/10/2015. Anh Phan Văn Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không có yêu cầu.

Anh Phan Văn Bé T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0002174 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thọ, HCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Phan Thị Nhã Quyên